

# ẢNH HƯỞNG CỦA DI CƯ ĐẾN NHỮNG NGƯỜI THÂN NƠI XUẤT CƯ

Nguyễn Đình Tuấn\*

*Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của công nghiệp hóa và đô thị hóa ở nước ta, chính sách mở và hội nhập với các nước trên thế giới của Đảng và Nhà nước là những động lực thúc đẩy các luồng di cư có chiều hướng tăng nhanh. Di cư là một quy luật tất yếu của quá trình phát triển xã hội. Có nhiều yếu tố tác động đến di cư, trong đó kinh tế đóng vai trò quan trọng và đôi khi di cư được coi như một giải pháp giảm nghèo. Đóng góp của những người di cư về mặt kinh tế đối với nơi xuất cư cũng như cho gia đình họ là điều không thể phủ nhận. Tuy nhiên, những người di cư và gia đình họ cũng phải đối mặt với nhiều vấn đề xã hội. Trong bài viết này chúng tôi tập trung đi vào phân tích một số ảnh hưởng của di cư đối với những người thân trong gia đình ở nơi xuất cư (phân tích chủ yếu tập trung vào nhóm đối tượng di cư đã có vợ/chồng).*

## 1. Di cư

Di cư là một hiện tượng kinh tế - xã hội phổ biến ở tất cả các quốc gia trên thế giới, nó mang tính quy luật tự nhiên và tất yếu của quá trình phát triển. Nói đến di cư là nói đến sự di chuyển của con người diễn ra trong một không gian và thời gian, một cách khác có thể hiểu di dân là sự di chuyển của dân cư từ một đơn vị lãnh thổ này sang đơn vị lãnh thổ cư trú khác. Với ý nghĩa đó di cư có thể phân thành nhiều loại dựa trên tính chất, thời gian và đặc trưng... của di cư.

Có lẽ cho đến nay không có một quốc gia nào trên thế giới lại không diễn ra quá trình di cư dưới hình thức này hay hình thức khác. Chỉ có điều quá trình và hình thức diễn ra di cư ở mỗi quốc gia có sự khác nhau, sự khác nhau này phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó phụ thuộc nhiều vào các chính sách phát triển kinh

tế - xã hội ở mỗi quốc gia. Ở Việt Nam quá trình và hình thức di cư cũng có sự khác nhau ở mỗi giai đoạn phát triển của đất nước do sự tác động của những cải cách về kinh tế - xã hội. Trước những năm đổi mới, hầu hết các cuộc di cư ở nước ta đều mang tính di cư có tổ chức, mà chủ yếu là các chương trình di cư xây dựng các vùng kinh tế mới. Trong những năm đổi mới, dưới tác động của nền kinh tế thị trường, các luồng di cư có tổ chức dần được thay thế bằng các cuộc di cư tự do. Cho dù di cư diễn ra dưới hình thức này hay hình thức khác thì mục đích cuối cùng cũng là mong muốn mang lại một cuộc sống tốt đẹp, ấm no hơn cho những người di cư và gia đình có người di cư.

Quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá diễn ra khá nhanh chóng ở nước ta trong những năm vừa qua đã tác động không nhỏ đến tình trạng di cư tăng. Đây vừa là điều kiện thuận lợi vừa là thách

\* Ths; Viện Nghiên cứu Con người.

thức đối với chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Ở phương diện nào đó, di cư góp phần tích cực làm giảm sức ép về lao động, việc làm cũng như giảm những khó khăn về đời sống kinh tế đối với nơi xuất cư, bổ sung nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển ở nơi mới nhập cư. Mặt khác, di cư sẽ tạo ra sức ép về nhiều mặt đối với các vấn đề xã hội tại nơi nhập cư cũng như nơi xuất cư. Đối với nơi nhập cư, di cư có ảnh hưởng đến những vấn đề như nhân khẩu, nhà ở, việc làm, chăm sóc sức khỏe... Còn đối với nơi xuất cư, di cư có ảnh hưởng đến lực lượng lao động ở địa phương, đến các mối quan hệ cộng đồng, quan hệ gia đình... cũng như ảnh hưởng đến việc chăm sóc và giáo dục trẻ em trong gia đình có người di cư.

Cho đến nay, những phân tích, tìm hiểu về di cư và những khó khăn mà người di cư gặp phải tại nơi nhập cư đã được khá nhiều công trình đề cập đến. Trong khi đó, những phân tích, tìm hiểu về ảnh hưởng của di cư đối với nơi xuất cư, đặc biệt là đối với gia đình và những người thân có người di cư còn chưa được bàn nhiều. Nghiên cứu về những ảnh hưởng của di cư cần được xem xét ở nhiều chiều cạnh khác nhau, do đó, trong bài viết này chúng tôi đi vào phân tích một vài ảnh hưởng của việc di cư đối với những người thân ở quê nhà.

## 2. Ảnh hưởng của di cư

### 2.1. Những ảnh hưởng mang tính tích cực

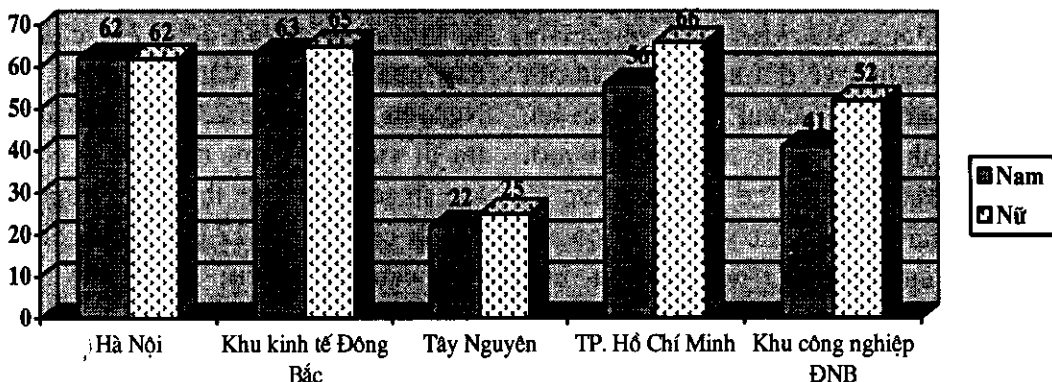
#### \* Lợi ích kinh tế, vật chất

Trước hết có thể thấy, việc di cư thường mang lại một cuộc sống vật chất

tốt hơn cho bản thân người di cư cũng như cho gia đình họ. Và cũng chính “nhân tố kinh tế mà trước hết là thu nhập và việc làm vẫn là động lực chính thúc đẩy quá trình di dân lao động” (Đặng Nguyễn Anh, 2005:23). Theo số liệu điều tra di cư Việt Nam năm 2004 cho thấy, khi so sánh về mức thu nhập trước và sau khi di chuyển có 12,0% người di cư cho rằng cao hơn nhiều; 71,0% cho rằng cao hơn; 13,0% cho rằng vẫn như vậy; và chỉ có 4,0% cho rằng kém hơn. Thu nhập cao hơn cùng với một việc làm tốt hơn nơi xuất cư là lực hút chính thúc đẩy dòng di cư.

Đối với người di cư, những đóng góp về mặt kinh tế của họ cho quê nhà cũng như cho gia đình tại nơi xuất cư là một điều không thể phủ nhận. Số liệu điều tra di cư Việt Nam năm 2004, đã minh chứng cho thấy hơn 50% người di cư có gửi tiền về cho gia đình. So với những vùng khác, những người di cư vào Tây Nguyên sở dĩ gửi tiền về cho gia đình ít hơn những nơi khác theo phân tích kết quả điều tra di cư Việt Nam năm 2004 là do hai nguyên nhân: thứ nhất, những người di chuyển đến nơi này thường đi theo gia đình vì vậy họ ít có nhu cầu gửi tiền về cho các thành viên trong gia đình. Thứ hai, thu nhập của những người di cư đến Tây Nguyên thường thấp hơn nhiều so với thu nhập của những người di cư đến các khu vực khác vì vậy khả năng gửi tiền về cũng ít hơn. Như vậy, có thể thấy ngoài những người di cư đến vùng Tây Nguyên, thì phần lớn những người di cư ở các vùng còn lại đều gửi tiền về cho người thân và gia đình ở nơi xuất cư.

**Hình 1: Phần trăm gửi tiền trong 12 tháng trước thời điểm điều tra chia theo nơi cư trú hiện tại và giới tính**



*Nguồn:* Điều tra di cư Việt Nam năm 2004: Những kết quả chủ yếu, nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội 2005, tr.67.

Số tiền những người di cư gửi về cho người thân và gia đình ở nơi xuất cư trong 12 tháng trong khoảng từ 1.000.000đ đến dưới 6.000.000đ chiếm tỷ lệ cao nhất (nam 60,2%; nữ 56,7%) (Tổng cục Thống kê, 2005:68). Mục đích những người di cư gửi tiền về cho gia đình chủ yếu là cho chi tiêu hàng ngày (nam 68,0%; nữ 63,5%) và chi tiêu liên quan đến sức khỏe (nam 31,1%; nữ 30,2%) (Tổng cục Thống kê, 2005:68). Đặng Nguyên Anh trong nhiều công trình nghiên cứu về di cư cũng đã chứng minh cho thấy những đóng góp quan trọng của việc di cư về mặt kinh tế đối với gia đình tại nơi xuất cư là việc gửi tiền về cho người thân. Gửi tiền về giúp đỡ gia đình trang trải nợ nần, lo cho con cái học hành... và nhằm cải thiện đời sống cho gia đình là những điều mà người di cư mong muốn đạt được khi quyết định di cư. Chị N.T.H giúp việc cho một gia đình ở khu đô thị Định Công

tâm sự “Tôi đi làm thuê cũng chỉ mong có được ít tiền gửi về cho bố con nó ở quê để lo cuộc sống hàng ngày và lo tiền cho các con ăn học. Trước đây tôi chưa đi làm gia đình tôi chỉ trông cậy vào mấy sào ruộng, những khi gia đình có chuyện hay phải đóng tiền học cho con đều phải đi vay. Từ ngày tôi đi làm mỗi tháng kiếm được 800.000đ, gửi về cho bố con nó ở nhà ăn uống và lo học hành cho hai đứa cũng tạm đủ”. Xuất thân ở một vùng quê của Phú Thọ, chị N.T.H cho biết ở làng chị ngoài việc dựa vào đồng ruộng để sống thì không còn khoản thu nhập nào khác. Theo như lời chị kể thì hầu như gia đình nào ở làng chị cũng có người ra thành phố để làm thuê, mỗi người một việc nhưng chủ yếu là đi giúp việc gia đình. Nhờ vào đi làm thuê ở thành phố nhiều gia đình ở làng chị đã xây/sửa lại nhà cửa, mua sắm đồ dùng sinh hoạt phục vụ trong gia đình và có tiền cho con cái học tập. Đời sống kinh

tế của các hộ gia đình có người di cư ở làng chị cũng từng bước được cải thiện.

*\* Lợi ích về tri thức, nhận thức*

Cùng với những đóng góp về mặt kinh tế, người di cư còn được coi là người mang về cho gia đình và địa phương “*những tri thức và nhận thức mới gắn liền với nhịp sống văn minh của thành phố*” (Đặng Nguyên Anh, 2004:267). Thời gian sống và làm việc ở thành phố giúp cho những người di cư ít nhiều tiếp nhận được những tri thức, những quan niệm, lối sống... của người đô thị. Do đó, khi trở về quê họ có những ảnh hưởng đến lối sống của các thành viên trong gia đình và người dân địa phương. Những kiến thức, quan niệm người di cư tiếp nhận được nhiều khi có tác động làm thay đổi những thói quen, phong tục còn lạc hậu của những người thân hay người dân địa phương. Đó là những quan niệm trong chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường... Bên cạnh đó, những người di cư cũng tạo thành một mạng lưới xã hội giúp đỡ cho những người ở quê khi muốn ra thành phố tìm việc làm. Họ thường là những người giới thiệu việc làm, tìm kiếm thông tin hay tạo điều kiện cho người ở quê muốn ra thành phố tìm việc làm. Chị L.T.Y là công nhân của một công ty may mặc cho biết, chị biết và xin được vào công ty chị đang làm là nhờ vào người quen cùng quê giới thiệu và chính chị trong hai năm qua cũng đã giới thiệu cho ba người cùng quê với chị vào làm việc trong công ty. Như vậy, có thể thấy người di cư đóng vai trò khá quan trọng trong việc cung cấp thông tin việc làm cho những người ở quê nhà. Họ cũng đóng vai trò là cầu

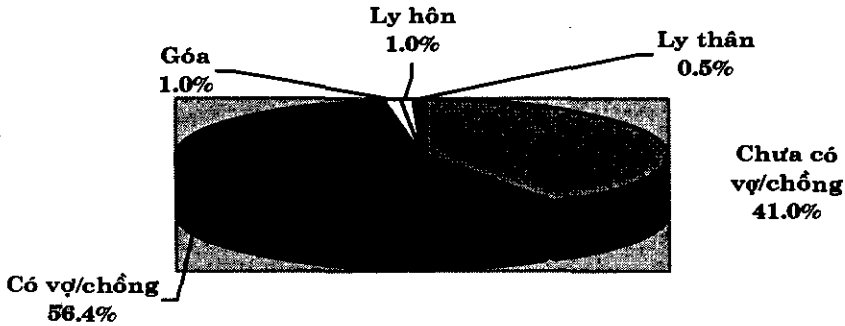
nối giúp cho người thân quen có thể ra thành phố làm việc và mở ra cho người thân một cơ hội mới trong công việc.

Thực tế cũng cho thấy, người di cư đã có những đóng góp đáng kể đối với một nền kinh tế đang phát triển như nước ta hiện nay. Tuy nhiên, bên cạnh những đóng góp như đã nói trên thì người di cư và gia đình họ cũng chịu những thiệt thòi trong cuộc sống. Xét trên phương diện quan hệ gia đình, gia đình có người di cư thường gặp phải những gián đoạn hoặc làm suy giảm các mối quan hệ gia đình. Mức độ ảnh hưởng của mỗi nhóm là khác nhau và phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Chẳng hạn so sánh giữa hai nhóm đã kết hôn và nhóm chưa kết hôn, thì rõ ràng việc di cư của nhóm chưa kết hôn ảnh hưởng đến quan hệ gia đình ít hơn nhóm đã kết hôn. Nhóm chưa kết hôn, các mối quan hệ của họ với gia đình chủ yếu là mối quan hệ với bố mẹ và với người thân trong gia đình. Trong khi đó, nhóm đã kết hôn ngoài các mối quan hệ như nhóm chưa kết hôn, họ còn có các mối quan hệ khác, đó là quan hệ vợ chồng, quan hệ con cái. So với các nhóm di cư khác, rõ ràng nhóm đã kết hôn nhưng vợ hoặc chồng vẫn sống ở quê chịu ảnh hưởng nhiều trong mối quan hệ với vợ/chồng, con cái. Hay so sánh nhóm di cư cả hộ gia đình với nhóm di cư một thành viên trong hộ thì cũng cho thấy có sự ảnh hưởng khác nhau đến các mối quan hệ gia đình.

*2.2. Những ảnh hưởng mang tính tiêu cực*

Kết quả của cuộc điều tra di cư năm 2004 cho thấy 56,4% những người di cư có vợ/chồng và phần lớn (74,5%) còn khá trẻ trong độ tuổi từ 20 - 39 tuổi.

Hình 2: Tình trạng hôn nhân của người di cư



*Nguồn:* Tổng cục Thống kê, quỹ Dân số Liên hiệp quốc (2005), Điều tra di cư Việt Nam năm 2004: những kết quả chủ yếu, nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, tr.26.

\* Nguy cơ làm suy giảm quan hệ gia đình

Có thể thấy nhóm người di cư đã kết hôn chiếm một tỷ lệ cao hơn so với nhóm chưa kết hôn. Di cư, như đã trình bày ở trên, suy cho cùng là vì một cuộc sống tốt đẹp hơn. Tuy nhiên, dưới góc độ kinh tế thì di cư phần nào đáp ứng được điều này, còn dưới góc độ vốn xã hội thì di cư lại tiềm ẩn những nguy cơ làm suy giảm các mối quan hệ gia đình và các mối quan hệ xã hội.

Đối với những gia đình có vợ hoặc chồng di cư, mối quan hệ giữa vợ chồng có những ảnh hưởng nhất định. Quan hệ vợ chồng của những người di cư trực tiếp bị đe dọa do cuộc sống cách biệt của họ bao giờ cũng đồng nghĩa với sự thiếu hụt tình cảm nghiêm trọng, phá vỡ cân bằng nội tâm (Đào Minh Hương, 2004:355). Di cư làm cho người di cư và vợ hoặc chồng họ còn lại ở quê thường bị thiếu hụt chỗ dựa về tình cảm và về sinh hoạt vợ chồng.

Một trong những chức năng quan trọng của gia đình đó là chức năng tình cảm. Với chức năng này gia đình được

coi là chỗ dựa tinh thần, là nơi các thành viên trong gia đình nhận được sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Di cư có ảnh hưởng không nhỏ đến chức năng này của những gia đình có người di cư. Sự thiếu vắng của người chồng hay người vợ trong gia đình sẽ làm ảnh hưởng đến nhu cầu tình cảm của người còn lại. GS. Lê Thị (1996) trong nghiên cứu về gia đình phụ nữ thiếu vắng chồng đã chỉ ra rằng những phụ nữ xa chồng đều giống nhau ở tâm trạng: nỗi nhớ nhung trong cảnh đơn lẻ; những nỗi buồn về một niềm hạnh phúc mong manh có thể dễ dàng tan vỡ vì những xa cách trắc trở của cuộc sống (Lê Thị, 1996:156-157). Tâm trạng này có lẽ không phải chỉ riêng của của những phụ nữ có chồng đi làm ăn xa mà cả ở những người chồng có vợ đi làm ăn xa. Tuy nhiên, vì kinh tế, vì mong một cuộc sống tốt đẹp hơn họ chấp nhận phải xa người vợ, người chồng của mình. Trong những gia đình có vợ hoặc chồng di cư thì rõ ràng, tình cảm vợ chồng và hạnh phúc gia đình luôn luôn là những thách thức lớn và tiềm ẩn những nguy cơ tan vỡ. Đôi khi

những thách thức và tiềm ẩn này còn khó khắc phục hay khó giải quyết hơn những vấn đề về kinh tế. Chúng tôi đã gặp trường hợp của chị V.T.H, năm 1998 sau khi hai vợ chồng chị bàn bạc đã quyết định để chị đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc trong ba năm với mục đích thay đổi đời sống gia đình. Trong ba năm đó cứ hai tháng một lần chị gửi tiền về cho chồng một phần để lo cho con cái học hành, phần khác tiết kiệm để sau này xây nhà. Sau ba năm trở về chị những tưởng rằng cuộc sống gia đình chị sẽ tốt đẹp hơn, nhưng khi về đến nhà chưa đầy một tháng thì chị phát hiện ra chồng mình ở nhà đã cấp bỏ, số tiền chị gửi về được chồng chị sử dụng vào mục đích “nuôi bồ”. Buồn hơn nữa là đứa con trai của chị bỏ học một năm mà người bố không hề biết gì. Không chịu được cảnh chồng con như vậy chị đã quyết định ly dị. Chị V.T.H cũng cho chúng tôi biết không phải chỉ có một mình chị gặp phải cảnh gia đình như vậy, một người bạn thân cùng đi xuất khẩu lao động với chị cũng rơi vào hoàn cảnh tương tự, chồng ở nhà cũng cấp bỏ. Vì thương các con nên bạn chị không ly dị như chị nhưng hai vợ chồng cũng sống ly thân, chồng ở lại chỗ làm (cách nhà 20km) còn vợ sống cùng các con ở nhà. Đây quả là những nguy cơ tiềm ẩn không nhỏ đối với những gia đình có vợ hoặc chồng di cư.

**\* Nguy cơ sức khỏe, bệnh tật**

Sự thiếu hụt về mặt tình cảm cũng như những nhu cầu về sinh lý là động lực thúc đẩy người di cư đến quan hệ ngoài hôn nhân hay tìm đến dịch vụ mại dâm. Anh T.V.P làm nghề xe ôm ở đường Nguyễn Trãi cho biết, anh ra Hà Nội làm nghề xe ôm được 5 năm. Khi mới lên mỗi tháng

anh về quê khoảng ba lần, một mặt để thăm vợ con mặt khác để thỏa mãn nhu cầu vợ chồng, nhưng rồi thấy về nhiều cũng tốn kém nên anh ít về hơn, còn mỗi khi bức xúc chuyện “áy” anh tìm đến với gái mại dâm. Với việc tìm đến các dịch vụ mại dâm và ít sử dụng bao cao su của người di cư sẽ dễ dẫn đến những bệnh xã hội lây qua đường tình dục và nhiễm HIV/AIDS. Nhiều công trình nghiên cứu cho thấy “người di cư dễ bị nhiễm HIV hơn so với người không di cư”(Tổng cục Thống kê, 2005:134). Khi những người di cư bị nhiễm HIV/AIDS khi quay trở về quê nhà sẽ là nguồn lây truyền sang cho vợ con. Thực tế cũng cho thấy tại nhiều địa phương ở vùng nông thôn của nước ta như Hà Nam, Thái Bình, Phú Thọ... có tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS rất cao do hậu quả của những người di cư mang về. Nam giới di cư có nguy cơ mang các bệnh xã hội cũng như HIV/AIDS về cho người thân ở quê nhà cao hơn nữ giới.

Bên cạnh những thách thức và tiềm ẩn đó, thì việc di cư của người chồng hay người vợ cũng làm cho người còn lại trong gia đình phải lao động nhiều hơn do đảm nhiệm hết các công việc của người di cư để lại. Đôi khi những công việc đó vượt quá khả năng của một người và điều này trực tiếp làm ảnh hưởng đến sức khỏe, cũng như hiệu quả của công việc.

**\* Nguy cơ suy giảm chức năng giáo dục**

Việc di cư của cha mẹ không chỉ ảnh hưởng đến quan hệ giữa cha mẹ với con cái, mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình phát triển tâm sinh lý của con cái và việc dạy dỗ chúng (Đào Minh Hương, 2004:355). Nuôi dạy con cái là chức năng của mỗi gia đình, trong đó cha mẹ là

người đóng vai trò hết sức quan trọng. Sự vắng mặt của người cha hay người mẹ đều có những ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng này. Với những gia đình có vợ hoặc chồng di cư, chức năng này hoàn toàn giao phó cho người còn lại ở quê nhà. Không ít trường hợp cha mẹ cùng di cư thì công việc này để lại cho ông bà, họ hàng hoặc chính anh chị em tự chăm sóc, bảo ban nhau học tập. Điều này đã làm ảnh hưởng đến quá trình giáo dục và kết quả học tập của những trẻ em trong gia đình có cha mẹ di cư. Thiếu đi sự quản lý, đôn đốc học tập của cha mẹ là một trong những nguyên nhân dẫn đến trẻ em bỏ học và sa vào những con đường tệ nạn xã hội. Sự vắng mặt của cha mẹ làm cho khả năng phát triển tâm sinh lý của con cái bị ảnh hưởng không nhỏ, cũng như có thể dẫn đến những hành vi không có lợi cho sức khỏe của con cái: chẳng hạn cha mẹ di cư có thể làm tăng tỷ lệ trẻ vị thành niên mang thai như những nghiên cứu ở Philippines cho thấy; hay tỷ lệ trẻ em có bố sang làm việc tại các nước Trung Đông nghiện ma túy cao hơn (Le Bach Duong-Khuat Thu Hong, 2008:128). Bên cạnh đó, việc cha mẹ di cư cũng đồng nghĩa với việc trẻ em phải đảm nhiệm công việc gia đình nhiều hơn. Và đây là những thiệt thòi mà sự bù đắp về mặt vật chất của cha mẹ di cư không thể thay thế.

\* Nguy cơ suy giảm chức năng chăm sóc người già và trẻ em

Ngoài ra, di cư còn có ảnh hưởng đến sự quan tâm, chăm sóc đối với những người già trong gia đình (như bố mẹ hoặc ông bà của người di cư). Trong khi những người di cư thường là những người còn khá trẻ, có sức khỏe và có học vấn cao,

thì những người còn ở quê nhà chủ yếu là người lớn tuổi và trẻ em. Đây có thể coi là hai nhóm đối tượng cần có sự quan tâm chăm sóc về mặt tình cảm cũng như sức khỏe. Ở nước ta người già chủ yếu phải sống dựa vào sự trợ giúp của con cái, người thân và mạng lưới xã hội. Tuy nhiên, với người già ở nông thôn tình trạng con cái di cư ngày càng có xu hướng gia tăng, sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến sự trợ giúp của con cái cả về mặt vật chất lẫn tinh thần. Trong điều kiện như ở nước ta hiện nay thì rõ ràng hệ thống phúc lợi xã hội chính thức không thể thay thế được vai trò trợ cấp của con cái hay mạng lưới xã hội (Le Bach Duong-Khuat Thu Hong, 2008:130). Vì vậy, người già trong những gia đình có người di cư cũng đang chịu những thiệt thòi do thiếu đi sự chăm sóc cũng như trợ giúp của con cái. Ông P.V.C (Vân Trường, Tiên Hải, Thái Bình) tâm sự, ông bà có 3 người con, hai cô con gái đi lấy chồng xa, còn vợ chồng người con trai sống cùng ông nhưng nhiều năm nay cả hai vợ chồng đều lên Hà Nội làm thuê để lại ở nhà hai ông bà già với hai đứa cháu. Mỗi khi ông bà ốm đau đều tự chăm sóc cho nhau, khi nào cả hai ông bà đều ốm thì phải nhờ hàng xóm mua thuốc, nấu nướng hộ. Hai đứa cháu thì tự bảo ban nhau học tập, đi học thì đứa lớn chở đứa bé. Trường hợp như gia đình ông PVC ở những làng quê nước ta hiện nay không phải là ít và đây cũng là vấn đề xã hội nảy sinh do di cư mang lại mà chúng ta cần quan tâm.

### 3. Kết luận

Với sự chênh lệch về mức sống, điều kiện cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội và việc làm giữa các vùng miền của nước ta như hiện nay thì rõ ràng tình trạng di cư tăng

nhau là một tất yếu. Di cư cũng là một động thái tích cực đối với một nền kinh đang phát triển như nước ta hiện nay, nó phân nào tạo ra sự cân bằng trong phát triển. Tuy nhiên, với những gì như đã phân tích ở trên cho thấy bên cạnh những mặt tích cực, thì di cư cũng có những ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống xã hội tại nơi xuất cư.

Di cư một mặt mang lại đời sống vật chất tốt hơn cho gia đình người di cư, nhưng mặt khác nó cũng ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống tình cảm, đến sự quan tâm chăm sóc của các thành viên trong gia đình và làm suy giảm các quan hệ gia đình.

Để giảm các vấn đề xã hội nảy sinh do di cư mang lại đối với địa phương cũng như gia đình người di cư ở nơi xuất cư, chúng tôi cho rằng cần phải từng bước tạo công ăn việc làm cho người lao động ở những vùng còn chậm phát triển. Nhà nước ta cần có những chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho các cá nhân và các tổ chức đầu tư xây dựng và phát triển kinh tế ở những vùng này. Thông qua đó từng bước rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các vùng miền, các địa phương. Chính điều này sẽ phân nào làm giảm khả năng di cư, mất cân bằng về phân bố dân số và không gian sống, cũng như làm hạn chế các vấn đề xã hội nảy sinh do di cư mang lại.

#### Tài liệu tham khảo:

1. Đặng Nguyên Anh (2005), *Chiều cạnh giới của di dân lao động trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, Tạp chí Xã hội học, (số 2-2005), tr.23-32.
2. Đặng Nguyên Anh (2004), *Về vai trò của di cư nông thôn - đô thị trong sự nghiệp phát triển nông thôn hiện nay*, những nghiên cứu chọn lọc về xã hội học nông thôn, 260-274, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Le Bach Duong-Khuat Thu Hong (2008), *Market transformation, migration & social protection in a transitioning VietNam*. Thế Giới Publishers
4. Đào Minh Hương (2004), *Di cư mưu sinh: những khía cạnh tiêu cực, nghiên cứu con người và nguồn nhân lực*, Niên giám nghiên cứu số 3, 352-371.
5. Douglas S.massey (1994), *Các nguồn gốc xã hội và kinh tế của nhập cư, tuyển tập các công trình chọn lọc trong dân số học xã hội*, 436-456.
6. Lê Thi (1996), *Gia đình phụ nữ thiếu vắng chồng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.156-157.
7. Tổng cục Thống kê, quỹ dân số liên hiệp quốc (2005), *Điều tra di cư Việt Nam năm 2004: những kết quả chủ yếu*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.